

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11/12/2025.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Huyền và bà Hoàng Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 213/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991. Có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lương Sỹ T, sinh năm 1987. Có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2025, bản tự khai ngày 30/10/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Sỹ T tự nguyện tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp đăng ký kết hôn ngày 07/3/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến đầu năm 2025 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, không cùng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng dần nứt không ai quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Sỹ T.

Về con: Chị và anh Lương Sỹ T có 05 con chung là Lương Thị Huyền T1, sinh ngày 05/12/2013; Lương Bảo N, sinh ngày 13/12/2015; Lương Hữu Q, sinh ngày 26/12/2018; Lương Bảo T2, sinh ngày 28/8/2022 và Lương Hà A, sinh ngày 29/5/2025. Nguyên vọng của chị đề nghị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ba cháu Lương Thị Huyền T1, Lương Bảo T2 và Lương Hà A; giao hai cháu Lương Bảo N và Lương Hữu Q cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lương Sỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức cưới và được UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp đăng ký kết hôn năm 2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau bình thường không có mâu thuẫn gì, đầu năm 2025 chị L về nhà bố mẹ đẻ ở để sinh con, sau khi sinh con được một thời gian anh có đến bảo chị L về nhưng chị L không về, từ đó xảy ra mâu thuẫn là do trong cuộc sống va chạm với nhau và chị L không quay về chung sống cùng anh nữa. Nay chị L làm đơn ly hôn, anh không muốn ly hôn vì các con còn nhỏ, nhưng nếu chị L vẫn cương quyết ly hôn thì tùy chị L, anh đồng ý để chị L ly hôn đơn phương.

Về con: Anh và chị Nguyễn Thị L có 05 con chung là Lương Thị Huyền T1, sinh ngày 05/12/2013; Lương Bảo N, sinh ngày 13/12/2015; Lương Hữu Q, sinh ngày 26/12/2018; Lương Bảo T2, sinh ngày 28/8/2022 và Lương Hà A, sinh ngày 29/5/2025. Nếu chị L nuôi được cả 5 cháu thì nuôi, không thì nuôi cháu nào thì nuôi còn để lại anh nuôi theo nguyên vọng của các con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của các con chưa thành niên: Cháu Lương Hữu Q và cháu Lương Bảo N đều có nguyên vọng ở với bố, cháu Lương Thị Huyền T1 có nguyên vọng ở với mẹ.

Theo đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung giữa chị Nguyễn Thị L, anh Lương Sỹ T tại UBND xã H thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Sỹ T có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp ngày 07/3/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn với nhau trong gia đình và hiện tại chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, việc hai bên mâu thuẫn nhưng không báo cáo các đoàn thể và chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn nên không tổ chức hoà giải, khi chị L làm đơn ly hôn cũng không gửi đơn đến thôn và xã mà gửi trực tiếp đến Tòa án để giải quyết.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Sỹ T có 05 con chung là Lương Thị Huyền T1, sinh ngày 05/12/2013; Lương Bảo N, sinh ngày 13/12/2015; Lương Hữu Q, sinh ngày 26/12/2018; Lương Bảo T2, sinh ngày 28/8/2022 và Lương Hà A, sinh ngày 29/5/2025.

Về sự có mặt của chị Nguyễn Thị L và anh Lương Sỹ T: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Sỹ T có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Nay chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lương Sỹ T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lương Sỹ T.

Về con: Giao các cháu Lương Thị Huyền T1, Lương Bảo T2 và Lương Hà A cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao các cháu Lương Bảo N và Lương Hữu Q cho anh Lương Sỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên có quyền qua lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị L, anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn anh Lương Sỹ T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều

28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2,3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Sỹ T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/3/2013, như vậy hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2025 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, không cùng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng dần nứt không ai quan tâm đến nhau nên chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không thể quay trở về đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Sỹ T.

Quá trình Tòa án giải quyết chị L vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm giữa chị với anh T thực sự không còn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp gì để khắc phục tình cảm vợ chồng mà đồng ý cho chị L ly hôn đơn phương. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T thực sự cũng không còn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Sỹ T có 05 con chung là Lương Thị Huyền T1, sinh ngày 05/12/2013; Lương Bảo N, sinh ngày 13/12/2015; Lương Hữu Q, sinh ngày 26/12/2018; Lương Bảo T2, sinh ngày 28/8/2022 và Lương Hà A, sinh ngày 29/5/2025.

Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được nuôi ba cháu Lương Thị Huyền T1, Lương Bảo T2 và Lương Hà A; anh Lương Sỹ T có nguyện vọng được nuôi cả 5 cháu nếu chị L đồng ý.

Xét thấy nguyện vọng của các cháu Lương Bảo N và Lương Hữu Q được ở với bố là anh Lương Sỹ T vì lâu nay các cháu đang ở với anh T, nguyện vọng của cháu T1 ở với mẹ là chị Nguyễn Thị L. Đối với cháu Lương Bảo T2 và Lương Hà A còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ.

Để không xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu, nên chấp nhận nguyện vọng của chị L và của các cháu. Giao ba cháu Lương Thị Huyền T1, Lương Bảo T2 và Lương Hà A cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lương Bảo N và Lương Hữu Q cho anh Lương Sỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom chăm sóc,

giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị L, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Anh Lương Sỹ T3 xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2,3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lương Sỹ T.

Về con: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba cháu Lương Thị Huyền T1, sinh ngày 05/12/2013; Lương Bảo T2, sinh ngày 28/8/2022 và Lương Hà A, sinh ngày 29/5/2025.

Giao cho anh Lương Sỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Lương Bảo N, sinh ngày 13/12/2015 và Lương Hữu Q, sinh ngày 26/12/2018.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Sỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0002133 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. (Chị L đã nộp

đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lương Sỹ T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4- Thanh Hóa
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoằng Châu, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga